

Số: 143/CBTT-BSGHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel(+84).4. 3765 3338 Fax: (+84).4.3 765 3336
- Email: info@sabecohanoi.com.vn Website: www.sabecohanoi.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

• BCTC giữa niên độ kết thúc cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023 đã được kiểm toán; BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2023 tại đường dẫn: <http://www.sabecohanoi.com.vn/tin-co-dong/thong-tin-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên 6 tháng đầu năm 2023.
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VƯƠNG THỪA ĐẠI

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0102314051 ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Ông Lê Viết Quý	Thành viên (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Việt Quý
Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00372-23-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		453.785.273.982	405.470.964.263
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	13.635.250.838	10.650.553.386
Tiền	111		7.135.250.838	10.650.553.386
Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		330.300.000.000	305.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	330.300.000.000	305.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.861.112.993	28.068.303.850
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	47.796.757.096	22.952.182.759
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.168.880.332	490.237.845
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	5.895.475.565	4.625.883.246
Hàng tồn kho	140	12	53.377.509.094	59.319.752.243
Hàng tồn kho	141		63.589.755.898	69.370.939.671
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.212.246.804)	(10.051.187.428)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.611.401.057	1.632.354.784
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.611.401.057	1.164.651.987
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	467.702.797
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		85.090.389.418	89.159.376.708
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		80.642.942.474	84.141.360.722
Tài sản cố định hữu hình	221	13	80.642.942.474	84.007.190.699
Nguyên giá	222		708.735.735.793	704.817.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(628.092.793.319)	(620.810.456.094)
Tài sản cố định vô hình	227	14	-	134.170.023
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.411.941.589)	(1.277.771.566)
Tài sản dài hạn khác	260		4.437.446.944	5.008.015.986
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.349.723.765	2.952.504.683
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.087.723.179	2.055.511.303
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		538.875.663.400	494.630.340.971

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

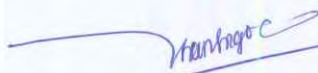
Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		239.848.052.628	199.642.889.987
Nợ ngắn hạn	310		239.621.683.544	199.416.520.903
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	24.704.519.297	10.109.752.752
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		118.784.730	434.282.750
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	96.777.920.358	64.680.135.100
Phải trả người lao động	314		6.218.958.734	4.266.171.362
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.133.859.971	1.813.182.388
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	9.868.735.090	5.812.545.995
Vay ngắn hạn	320	19	97.720.353.515	107.991.732.877
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	2.078.551.849	4.308.717.679
Nợ dài hạn	330		226.369.084	226.369.084
Dự phòng phải trả dài hạn	342		226.369.084	226.369.084
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		299.027.610.772	294.987.450.984
Vốn chủ sở hữu	410	21	299.027.610.772	294.987.450.984
Vốn cổ phần	411	22	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.901.353.662	74.861.193.874
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		57.570.590.582	39.680.066.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		21.330.763.080	35.181.127.056
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		538.875.663.400	494.630.340.971


Ngày 14 tháng 6 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng




 Lê Viết Quý
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	278.600.720.211	298.090.024.223
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	315.984.545	-
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	278.284.735.666	298.090.024.223
Giá vốn hàng bán	11	27	246.416.806.463	248.368.915.164
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		31.867.929.203	49.721.109.059
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	10.179.917.672	3.834.645.152
Chi phí tài chính	22		2.631.100.933	122.650.195
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.623.379.809	115.293.550
Chi phí bán hàng	25	29	734.532.332	1.860.707.262
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	9.037.082.773	7.374.212.185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.645.130.837	44.198.184.569
Thu nhập khác	31		370.602.464	493.035.175
Chi phí khác	32		432.597.915	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(61.995.451)	493.035.175
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.583.135.386	44.691.219.744
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.279.584.181	8.496.256.605
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(32.211.876)	55.250.010
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.335.763.081	36.139.713.129
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.185	1.911

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Lê Việt Quy
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.583.135.386	44.691.219.744
	Điều chỉnh cho các khoản		
	Khấu hao và phân bổ	7.416.507.248	7.631.513.455
	Các khoản dự phòng	161.059.376	(276.250.048)
	Thu nhập lãi tiền gửi	(10.161.433.851)	(3.775.562.617)
	Chi phí lãi vay	2.623.379.809	115.293.550
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	29.622.647.968	48.386.214.084
	Biến động các khoản phải thu	(25.464.973.332)	(53.104.948.829)
	Biến động hàng tồn kho	5.781.183.773	(16.685.237.309)
	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	47.910.027.192	28.668.004.970
	Biến động chi phí trả trước	156.031.848	2.562.799.951
		58.004.917.449	9.826.832.867
	Tiền lãi vay đã trả	(2.673.263.567)	(115.293.550)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.702.556.597)	(4.305.096.060)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.426.395.208)	(3.769.414.021)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	49.202.702.077	1.637.029.236
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
	Tiền chi mua tài sản cố định	(2.791.151.100)	(225.000.000)
	Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	(284.300.000.000)	(223.800.000.000)
	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	259.800.000.000	41.000.000.000
	Tiền thu lãi tiền gửi	9.301.300.837	2.749.078.782
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(17.989.850.263)	(180.275.921.218)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**


Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		282.152.004.719	115.351.706.299
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(292.423.384.081)	(87.351.706.299)
Tiền chi trả cổ tức	36		(17.956.775.000)	(36.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.228.154.362)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.984.697.452	(186.638.891.982)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		10.650.553.386	194.117.641.058
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	13.635.250.838	7.478.749.076

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:


Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Việt Quý
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; và xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 152 nhân viên (1/1/2023: 155 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này..

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại bia. Các hoạt động khác là mua bán cồn, rượu và nước giải khát. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện lập khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động của Công ty, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	28.024.757	71.546.053
Tiền gửi ngân hàng	7.107.226.081	10.579.007.333
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	-
	13.635.250.838	10.650.553.386

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% một năm trong kỳ (1/1/2023: Không).

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,0% đến 8,0% một năm (1/1/2023: 4,5% đến 8,2% một năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	43.154.970.007	22.630.382.287
Các khách hàng khác	4.641.787.089	321.800.472
	47.796.757.096	22.952.182.759

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	43.154.970.007	22.630.382.287
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	4.641.787.088	321.800.472

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	5.372.116.850	4.511.983.836
Phải thu ngắn hạn khác	523.358.715	113.899.410
	<hr/>	<hr/>
	5.895.475.565	4.625.883.246

12. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua				
đang đi trên đường	582.555.374	-	-	-
Nguyên vật liệu	23.937.824.928	-	25.721.406.735	-
Công cụ và dụng cụ	14.529.130.265	(10.212.246.804)	17.415.678.254	(10.051.187.428)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	19.730.869.592	-	18.595.513.166	-
Thành phẩm	4.808.190.254	-	7.631.912.420	-
Hàng hóa	1.185.485	-	6.429.096	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	63.589.755.898	(10.212.246.804)	69.370.939.671	(10.051.187.428)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.051.187.428	10.706.157.481
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	161.059.376	(276.250.048)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.212.246.804	10.429.907.433

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	633.323.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.817.646.793
Tăng trong kỳ	-	3.918.089.000	-	-	3.918.089.000
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	637.241.458.475	7.907.289.410	5.459.949.684	708.735.735.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	30.281.959.825	579.186.025.448	6.488.799.739	4.853.671.082	620.810.456.094
Khấu hao trong kỳ	1.269.523.950	5.434.174.468	233.652.912	344.985.895	7.282.337.225
Số dư cuối kỳ	31.551.483.775	584.620.199.916	6.722.452.651	5.198.656.977	628.092.793.319
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	27.845.078.399	54.137.344.027	1.418.489.671	606.278.602	84.007.190.699
Số dư cuối kỳ	26.575.554.449	52.621.258.559	1.184.836.759	261.292.707	80.642.942.474

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 534.994 triệu VND (1/1/2023: 531.163 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.277.771.566
Khấu hao trong kỳ	134.170.023
Số dư cuối kỳ	1.411.941.589
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	134.170.023
Số dư cuối kỳ	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 1.412 triệu VND (1/1/2023: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	-	2.952.504.683	2.952.504.683
Tăng trong kỳ	2.806.300.000	-	2.806.300.000
Phân bổ trong kỳ	(116.929.166)	(602.780.918)	(719.710.084)
Thanh lý	(2.689.370.834)	-	(2.689.370.834)
Số dư cuối kỳ	-	2.349.723.765	2.349.723.765

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	11.594.582.870	3.894.605.523
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	4.069.000.000	793.800.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	2.960.284.877	28.194.276
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	1.131.591.956	1.269.779.659
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	1.126.937.900	-
Các nhà cung cấp khác	3.822.121.694	4.123.373.294
	24.704.519.297	10.109.752.752

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	11.594.582.870	3.894.605.523
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	2.960.284.877	28.194.276
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	68.200.000	30.132.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	30/6/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.484.316.049	280.609.890.313	(272.835.277.309)	-	-	64.258.929.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.482.655.572	6.279.584.181	(2.702.556.597)	-	-	6.059.683.156
Thuế giá trị gia tăng	5.713.163.479	55.559.887.958	(13.779.167.708)	(21.057.872.377)	-	26.436.011.352
Thuế thu nhập cá nhân	-	942.484.806	(451.485.212)	-	(467.702.797)	23.296.797
Thuế khác	-	125.249.213	(125.249.213)	-	-	-
	64.680.135.100	343.517.096.471	(289.893.736.039)	(21.057.872.377)	(467.702.797)	96.777.920.358

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	8.604.700.000	5.346.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.264.035.090	466.545.995
	9.868.735.090	5.812.545.995

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		30/6/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	107.991.732.877	282.152.004.719	(292.423.384.081)	97.720.353.515

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (i)	VND	5,60% - 6,30%	53.253.646.757	58.257.450.063
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình (ii)	VND	5,60% - 6,10%	44.466.706.758	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng (iii)	VND	6,22% - 7,00%	-	49.734.282.814
			97.720.353.515	107.991.732.877

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và không có đảm bảo.
 (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và không có đảm bảo.
 (iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Các khoản vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất thả nổi hàng năm của từng ngân hàng tại ngày giải ngân và được dùng để tài trợ cho vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.308.717.679	3.851.815.941
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	2.005.000.001	2.153.950.869
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	(808.770.623)	(81.585.979)
Sử dụng trong kỳ	(3.426.395.208)	(3.769.414.021)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.078.551.849	2.154.766.810

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	36.139.713.129	36.139.713.129
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(2.153.950.869)	(2.153.950.869)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 (Thuyết minh 20)	-	-	-	81.585.979	81.585.979
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(48.213.343)	(48.213.343)
Số dư tại ngày 1 tháng 6 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	73.617.615.735	293.743.872.845
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.445.742.350	21.445.742.350
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.153.950.869)	(2.153.950.869)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(48.213.342)	(48.213.342)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	74.861.193.874	294.987.450.984
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.335.763.081	23.335.763.081
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(2.005.000.001)	(2.005.000.001)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 20)	-	-	-	808.770.623	808.770.623
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(99.373.915)	(99.373.915)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	78.901.353.662	299.027.610.772

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 7 tháng 4 năm 2023 đã phê duyệt việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 cho các cổ đông là 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, trong đó đã tạm ứng cổ tức cho cổ đông là 18.000 triệu VND trong năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Không có biến động Quỹ đầu tư phát triển trong kỳ.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.153.621.964	4.024.621.964
Từ hai đến năm năm	16.098.487.856	16.098.487.856
Sau năm năm	115.037.111.138	117.049.422.120
	135.289.220.958	137.172.531.940

(b) Ngoại tệ

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	33.298	776.683.195	100	2.413.428
EUR	84	2.251.524	95	2.533.766
		778.934.719		4.947.194

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa kết hợp đồng	5.676.411.000	3.291.000.000
	5.676.411.000	3.291.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	272.687.950.463	296.225.513.818
▪ Doanh thu khác	5.912.769.748	1.864.510.405
	278.600.720.211	298.090.024.223
Trừ doanh thu được khấu trừ		
▪ Chiết khấu thương mại	(315.984.545)	-
	278.284.735.666	298.090.024.223

27. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	243.027.044.297	248.192.602.394
▪ Giá vốn khác	3.228.702.790	452.562.818
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	161.059.376	(276.250.048)
	246.416.806.463	248.368.915.164

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.161.433.851	3.775.562.617
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.483.821	59.082.535
	10.179.917.672	3.834.645.152

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	261.313.229	243.846.507
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	510.000	309.081.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.250.935	1.120.422.508
Chi phí bán hàng khác	138.458.168	187.357.099
	<hr/>	<hr/>
	734.532.332	1.860.707.262
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.433.202.427	4.334.253.112
Chi phí khấu hao và phân bổ	157.872.312	157.872.312
Chi phí dụng cụ quản lý	488.740.121	289.801.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.045.402.415	1.909.931.875
Chi phí quản lý khác	911.865.498	682.353.336
	<hr/>	<hr/>
	9.037.082.773	7.374.212.185
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	212.921.606.634	222.882.870.950
Chi phí nhân công và nhân viên	21.097.828.927	17.316.904.047
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.416.507.248	7.631.513.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.097.012.400	7.813.213.453
Chi phí khác	7.655.466.359	1.959.332.706
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Kỳ hiện hành	6.059.683.156	8.982.357.473
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những kỳ trước	219.901.025	(486.100.868)
	6.279.584.181	8.496.256.605
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(32.211.876)	55.250.010
	6.247.372.305	8.551.506.615
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.247.372.305	8.551.506.615

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.583.135.386	44.691.219.744
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.916.627.077	8.938.243.949
Chi phí không được khấu trừ thuế	110.844.203	99.363.534
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những kỳ trước	219.901.025	(486.100.868)
	6.247.372.305	8.551.506.615
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.247.372.305	8.551.506.615

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	23.335.763.081	36.139.713.129
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.005.000.001)	(2.153.950.869)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	404.385.312
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	21.330.763.080	34.390.147.572

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

(**) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh lại dựa trên số trích thực tế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại thành 1.911 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây 1.888 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 18.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	518.998.231.770	557.464.919.900
Cung cấp dịch vụ	16.168.215	-
Bán bao bì luân chuyển	36.271.050	-
Mua nguyên vật liệu	174.795.706.092	195.183.418.911
Cổ tức đã trả	9.380.000.000	18.760.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán bao bì luân chuyển	4.219.806.444	-
Cung cấp dịch vụ	333.695.700	-
Mua hàng hóa	2.872.088.506	98.639.674
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hóa	602.005.140	587.740.300
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	279.000.000	248.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	80.910.000	56.724.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	65.774.545	-
Công ty TNHH Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	312.720.000	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	42.000.000	-
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Lê Viết Quý – Thành viên (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)	19.654.000	-
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)	22.346.000	42.000.000
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 đến ngày 19 tháng 12 năm 2022)	-	21.000.000
Ông Trương Hùng Dũng – Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2022)	-	21.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.320.650.000	1.505.242.321
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Lê Thị Hiền – Trưởng Ban Kiểm soát	223.550.053	245.708.034
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên	24.000.000	24.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	1.126.937.900	-

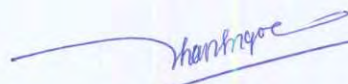
36. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 33, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng



 Lê Viết Quý
 Giám đốc